

Bản án số: 66/2021/DS-ST
Ngày: 18/5/2021.
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Bình Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp.
2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký

Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-DS ngày 02/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HPT ngày 27/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V;

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Đường N, Phường T, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyễn Khoa N, Chức vụ: Phó

Giám Đốc Trung tâm thẻ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Bích Thanh T, Chức vụ: Nhân viên.

(Theo Giấy ủy quyền số 1918/2020/UQ-TTT ngày 06/5/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V)

- Bị đơn: Ông Hà Thành T, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: B3 1905 chung cư L, 491 đường H, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Bích Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, Ông Hà Thành T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2019; các Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/01/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Bà Nguyễn Bích Thanh T trình bày:

Ngày 03/04/2014, Ông Hà Thành T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng 2 Thẻ tín dụng Visa số 472074 - 6912 và 970403 - 9087 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.883.200 đồng, trong đó thẻ 472074 - 6912 là 7.983.200 đồng và thẻ 970403 – 9087 là 10.900.000 đồng.

Từ ngày kích hoạt thẻ nay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.548.000 đồng, trong đó thẻ 472074 - 6912 là 9.748.000 đồng và thẻ 970403 – 9087 là 12.800.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Các khoản phí và / hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/02/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 8.317.050 đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi quá hạn = 150% x lãi trong hạn = 3.225%/tháng.

Tính đến ngày 18/05/2021, ông T còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc: 8.317.050 đồng, trong đó thẻ 472074 - 6912 là 3.953.766 đồng và thẻ 970403 – 9087 là 4.363.284 đồng
- Lãi quá hạn: 15.167.352 đồng, trong đó thẻ 472074 - 6912 là 6.642.750 đồng và thẻ 970403 – 9087 là 8.524.602 đồng
- Tổng cộng: 23.484.402 đồng, trong đó thẻ 472074 - 6912 là 10.596.516 đồng và thẻ 970403 – 9087 là 12.887.886 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T, yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Với sự tin tưởng vào tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật, kính đề nghị Quý Tòa thụ lý vụ án, xem xét và phán quyết:

1. Buộc Ông Hà Thành T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/05/2021 là: 23.484.402 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, bốn trăm lẻ hai đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 8.317.050 đồng, trong đó thẻ 472074 - 6912 là 3.953.766 đồng và thẻ 970403- 9087 là 4.363.284 đồng
- Lãi quá hạn: 15.167.352 đồng, trong đó thẻ 472074 - 6912 là 6.642.750 đồng và thẻ 970403 - 9087 là 8.524.602 đồng.

2. Và Ông Hà Thành T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/05/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Bị đơn là Ông Hà Thành T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Hà Thành T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng Ông Hà Thành T đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.*

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Bà Nguyễn Bích Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn là Ông Hà Thành T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, giải quyết và tại các phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật;

-Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

- Thẩm quyền loại việc:

Ngày 03/4/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Ông Hà Thành T ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng để sử dụng 02 Thẻ tín dụng Visa số 472074-6912 và 970403-9087. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền theo lãnh thổ:

Theo kết quả xác minh của Công an Phường T, Quận 11 xác minh: Dương sự Hà Thành Tôn, sinh năm 1977 hiện không thực tế cư trú tại địa chỉ 64 đường B, Cư xá T, Phường T, Quận 11 từ năm 2015 đến nay. Hiện đang tạm trú tại địa chỉ B3 1905 chung cư L, 491 đường H, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận 6 về Ông Hà Thành T như sau: Ông Hà Thành T, sinh năm 1977 là khách thuê nhà B3 1905 chung cư L, 491 đường H, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 4/2017, ông T trả nhà đi đâu không rõ.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận 6 và đơn khởi kiện, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã ghi đầy đủ và chính xác nơi cư trú cuối cùng của Ông Hà Thành T tại số B3 1905 chung cư L, 491 đường H, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình xác minh cho thấy ông T không có nơi cư trú ổn định, thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú nên được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

-Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Ngày 13/11/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có đơn khởi kiện Ông Hà Thành T gửi đến Tòa án nhân dân Quận 11. Ngày 23/7/2020, Tòa án nhân dân Quận 11 chuyển hồ sơ khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ

phần V đến Tòa án nhân dân Quận 6. Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Bà Nguyễn Bích Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là Ông Hà Thành T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 03/4/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Ông Hà Thành T ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng để sử dụng 02 Thẻ tín dụng Visa số 472074-6912 và 970403-9087. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho Ông Hà Thành T với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.883.200 đồng, trong đó thẻ 472074-6912 là 7.983.200 đồng và thẻ 970403-9087 là 10.900.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ nay, Ngân hàng xác nhận ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.548.000 đồng, trong đó thẻ 472074 - 6912 là 9.748.000 đồng và thẻ 970403 – 9087 là 12.800.000 đồng.

Ngày 06/02/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông T còn thiếu là 8.317.050 đồng sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 18/05/2021, ông T còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc: 8.317.050 đồng, trong đó thẻ 472074 - 6912 là 3.953.766 đồng và thẻ 970403 – 9087 là 4.363.284 đồng
- Lãi quá hạn: 15.167.352 đồng, trong đó thẻ 472074 - 6912 là 6.642.750 đồng và thẻ 970403 – 9087 là 8.524.602 đồng
- Tổng cộng: 23.484.402 đồng, trong đó thẻ 472074 - 6912 là 10.596.516 đồng và thẻ 970403 – 9087 là 12.887.886 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc Ông Hà Thành T vi phạm cam kết trả nợ theo Hợp đồng sử dụng để sử dụng 02 Thẻ tín dụng Visa số 472074-6912 và 970403-9087 ngày 03/4/2014 nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Tòa án buộc Ông Hà Thành T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ còn thiếu là 23.484.402 đồng như đã tính chi tiết ở phần trên (tạm tính đến hết ngày 18/5/2021) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn cho đến khi thực trả xong khoản nợ là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày 19/5/2021, Ông Hà Thành T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng 02 Thẻ tín dụng Visa số 472074-6912 và 970403-9087 ký ngày 03/4/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay (*Theo nội dung án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao*).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Thành T có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.174.220 đồng; Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng là 442.520 đồng theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, khoản 2 Điều 184, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 429, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với Ông Hà Thành T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Cụ thể:

Buộc Ông Hà Thành T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 18/5/2021) là: 23.484.402 đồng, trong đó nợ gốc là 8.317.050 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.167.352 đồng.

Kể từ ngày 19/5/2021, Ông Hà Thành T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng 02 Thẻ tín dụng Visa số 472074-6912 và 970403-9087 ký ngày 03/4/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hà Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.174.220đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 442.520 đồng theo biên lai thu số 0015161 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh(1);
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Bình Minh